

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/LĐ-ST

Ngày: 12-9-2025

V/v Tranh chấp về hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

2. Bà Phạm Thị Thu Yến - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Giang- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 221/2025/TLST-LĐ ngày 20 tháng 05 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp đồng lao động, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2025/QĐXXST-LĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh T, sinh năm 1989; thường trú: Xã A, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: 1/243, tổ H, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH B (tên cũ: Công ty Cổ phần S (Việt Nam); địa chỉ: Số G, đường số F, khu công nghiệp V - Singapore phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H; địa chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Vào năm tháng 11 năm 2008 đến tháng 01 năm 2009 ông Trần Thanh T có cho

một người quen (không nhớ họ tên và địa chỉ hiện nay đang ở đâu) ở chung nhà trọ mượn hồ sơ để ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S (Việt Nam) (nay đổi tên: Công ty TNHH B) và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của ông Trần Thanh T nhưng trên thực tế người ký kết hợp đồng và trực tiếp làm việc tại Công ty Cổ phần S không phải là ông T.

Do ông Trần Thanh T có nhu cầu thực hiện các thủ tục bảo hiểm xã hội nên có đến liên hệ với Bảo hiểm xã hội thành phố T để rút bảo hiểm theo đúng quy định. Ông Trần Thanh T được Bảo hiểm xã hội thành phố T thông báo thời điểm từ tháng 11 năm 2008 đến tháng 01 năm 2019 ông Trần Thanh T có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty Cổ phần S (Việt Nam) và Công ty có thực hiện đóng bảo hiểm lao động cho ông Trần Thanh T vào thời gian nêu trên.

Tuy nhiên, trên thực tế khoảng thời điểm nêu trên ông Trần Thanh T đang làm việc cho công ty khác và cũng đóng bảo hiểm xã hội nên cùng một khoảng thời gian trên ông Trần Thanh T đóng bảo hiểm tại hai công ty và đang trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội nên không thực hiện được thủ tục hưởng chế độ bảo hiểm theo quy định.

Do đó ông Trần Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Trần Thanh T ký với người sử dụng lao động là Công ty Cổ phần S (Việt Nam) (nay là Công ty TNHH B) trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2008 đến tháng 01 năm 2009 là vô hiệu toàn bộ, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn Công ty TNHH B đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên Công ty TNHH B đều vắng mặt không rõ lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:* Công ty Cổ phần S (Việt Nam) có tham gia bảo hiểm xã hội cho ông Trần Thanh T sinh năm 1989, số CCCD 089089004209, với mã số BHXH 7408299463 từ tháng 11/2008 đến tháng 01/2009 mã số bảo hiểm này chưa hưởng bảo hiểm xã hội một lần, chưa hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Đồng thời, trong cùng khoảng thời gian nêu trên, qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội thì ông Trần Thanh T cũng đang tham gia bảo hiểm tại Công ty TNHH M chưa hưởng bảo hiểm xã hội một lần, chưa hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Trong quá trình tố tụng đã có công văn phúc đáp cho Tòa án về quá trình đóng bảo hiểm của ông Trần Thanh T, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, do bận công việc nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16-thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung: Căn cứ Điều 15, 16, 49 và 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị

Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Thanh T khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên ông Trần Thanh T (do bà người khác ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty Cổ phần S (Việt Nam) (nay là Công ty TNHH B) trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2008 đến tháng 01 năm 2009 là vô hiệu toàn bộ. Bị đơn Công ty TNHH B có địa chỉ trụ sở: Số G, đường số F, khu công nghiệp V - Singapore phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng lao động” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 50 của Bộ luật Lao động.

[1.2]. Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn Công ty TNHH B được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Việc vắng mặt của Công ty trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty; nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3]. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu; đồng thời các đương sự trong vụ án cũng không có yêu cầu gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Ông Trần Thanh T cho người khác (không nhớ họ tên và địa chỉ) mượn giấy tờ nhân thân của ông để xác lập hợp đồng lao động đối với Công ty TNHH B và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 11 năm 2008 đến tháng 01 năm 2009 theo số Bảo hiểm xã hội 7408299463. Đồng thời, trong khoảng thời gian trên ông Trần Thanh T đang tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH M1.

Theo Điều 17 và Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012 (khoản 1 Điều 15 và Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019) quy định khi giao kết hợp đồng lao động phải trên nguyên tắc: *Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực* và người lao động có nghĩa vụ: *Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu.*

Mặt khác, theo Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012 và Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: *Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ khi người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động.*

[2.3]. Thực tế người lao động ký kết hợp đồng với Công ty TNHH B từ tháng 11/2008 đến tháng 01/2019 là người khác, không phải ông Trần Thanh T. Việc người khác mượn giấy tờ tùy thân của ông Trần Thanh T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH B là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019 nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh T là có cơ sở chấp nhận.

[2.4]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh T đối với bị đơn Công ty TNHH B về việc tranh chấp về hợp đồng lao động.

[2.5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[2.6] Về án phí: Nguyên đơn ông Trần Thanh T tự nguyện chịu tiền án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 17, 19, 50, 51 và Điều 52 Bộ luật Lao động năm 2012 (nay là các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019).

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh T về việc Tranh chấp về hợp đồng lao động với bị đơn Công ty TNHH B.

Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa ông Trần Thanh T và Công ty Cổ phần S (Việt Nam) nay là Công ty TNHH B trong thời gian từ tháng 11 năm 2008 đến tháng 01 năm 2009 là vô hiệu toàn bộ.

Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với ông Trần Thanh T theo quy định pháp luật.

2. Về án phí:

Ông Trần Thanh T tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001247 ngày 05 tháng 05 năm 2025 của chi cục Thi hành

án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 – Thi hành án dân sự Thành phố H).

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 – Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hạnh